

BIỂU PHÍ SẢN PHẨM DỊCH VỤ THẺ VÀ LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
(Áp dụng từ 18/09/2026)

I. THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA SHB

STT	Hạng mục phí	MỨC PHÍ		
		Solid card	Thẻ liên kết	Ghi chú
1.	Phí phát hành thẻ	- Phát hành mới: 55.000 (*) - Thẻ chuyển đổi từ thẻ từ sang thẻ chip: Miễn phí (**)	Tùy thuộc vào sản phẩm sẽ triển khai	Thu tại quầy. (**) Có thể thay đổi khi có Quyết định/Thông báo mới
2.	Phí phát hành thẻ nhanh (Thẻ chính, thẻ phụ)	50.000 VND/thẻ	Không áp dụng	Thu tại quầy và áp dụng tùy từng địa bàn
3.	Phí thường niên	Miễn phí	Miễn phí	
4.	Phí phát hành lại thẻ	50.000 VND	50.000 VND	Thu tại quầy
5.	Phí cấp lại PIN giấy	20.000 VND	20.000 VND	Thu tại quầy
6.	Phí thay đổi tài khoản kết nối đến thẻ	30.000 VND	30.000 VND	Thu tại quầy
7.	Phí chuyển phát thẻ và PIN theo yêu cầu	33.000 VND	33.000 VND	Thu tại quầy
8.	Phí trả lại thẻ bị ATM giữ lại	Miễn phí	Miễn phí	
9.	Phí tra soát khiếu nại	Miễn phí	Miễn phí	

STT	Hạng mục phí	MỨC PHÍ		
		Solid card	Thẻ liên kết	Ghi chú
10.	Phí đóng thẻ/tắt toán thẻ	Miễn phí	Miễn phí	
11.	Phí giao dịch thẻ			Thu tự động
11.1	<i>Phí giao dịch trên thiết bị ATM</i>			
11.1.1	<i>- Giao dịch trên thiết bị của SHB</i>			
	Rút tiền	Miễn phí	Miễn phí	
	Tra cứu số dư	Miễn phí	Miễn phí	
	Chuyển khoản	Miễn phí	Miễn phí	
	In sao kê	Miễn phí	Miễn phí	
	Đổi PIN	Miễn phí	Miễn phí	
	Các giao dịch nâng cao khác	Miễn phí	Miễn phí	
11.1.2	<i>- Giao dịch trên thiết bị của Ngân hàng khác SHB thuộc liên minh thẻ Napas</i>			
	Rút tiền	3.300 VND/giao dịch	3.300 VND/giao dịch	(*) Có thể điều chỉnh theo từng Hợp đồng với đối tác hợp tác triển khai phát hành thẻ.
	Tra cứu số dư	550 VND	550 VND	
	Chuyển khoản	1.650 VND	1.650 VND	
	In sao kê	550 VND	550 VND	

STT	Hạng mục phí	MỨC PHÍ		
		Solid card	Thẻ liên kết	Ghi chú
	Đổi PIN	Miễn phí	Miễn phí	
11.2	<i>Phí giao dịch trên thiết bị POS</i>			
	Mua bán hàng hóa	Miễn phí	Miễn phí	
	Đổi PIN	Miễn phí	Miễn phí	

II. THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ SHB DEBIT

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
1.	Phí phát hành thẻ	33.000 VND	Dùng phát hành	33.000 VND	Dùng phát hành	Dùng phát hành	Thu tại quầy ĐVKD chủ động miễn giảm phí theo thẩm quyền phê duyệt
2.	Phí cấp lại thẻ/thay thẻ thẻ/thay đổi hạng thẻ	110.000 VND	Dùng phát hành	110.000 VND	Dùng phát hành	Dùng phát hành	Thu tại quầy
3.	Phí cấp lại PIN giấy	33.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	Thu tại quầy

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
4.	Phí dịch vụ phát hành thẻ nhanh	150.000 VND	Dừng phát hành	150.000 VND	Dừng phát hành thẻ	Dừng phát hành thẻ	Thu tại quầy và áp dụng tùy từng địa bàn
5.	Phí chuyển phát thẻ và/hoặc PIN giấy theo yêu cầu	33.000 VND	Dừng phát hành	33.000 VND	Dừng phát hành	Dừng phát hành	Thu tại quầy
6.	Phí gia hạn thẻ	Miễn phí	Dừng gia hạn	Miễn phí	Dừng gia hạn	Dừng gia hạn	
7.	Phí thường niên						Thu tự động
7.1	Thẻ chính	8.800 VND/tháng (*)	8.800 VND/tháng	8.800 VND/tháng (*)	- 8.800 VND/tháng - Visa Gold: 8.800 VND/tháng	8.800 VND/tháng	(*) Phí thường niên thẻ có thể được áp dụng theo các chương trình ưu đãi cho từng Nhóm KH riêng theo quy định SHB trong từng thời kỳ.
7.2	Thẻ phụ	8.800 VND/tháng	8.800 VND/tháng	8.800 VND/tháng	8.800 VND/tháng	8.800 VND/tháng	

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
8.	Phí thông báo thẻ bị mất cắp, thất lạc	110.000 VND/lần	110.000 VND/lần	110.000 VND/lần	110.000 VND/lần	110.000 VND/lần	Thu tự động Khách hàng sẽ được hoàn lại phí trong trường hợp phát hành lại thẻ thay thế trong vòng 30 ngày kể từ ngày báo mất thẻ.
9.	Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch trên POS						Thu tại quầy
9.1	Trong hệ thống SHB	22.000 VND/bản	22.000 VND/bản	22.000 VND/bản	22.000 VND/bản	22.000 VND/bản	
9.2	Ngoài hệ thống SHB (nếu được)	88.000 VND/bản	88.000 VND/bản	88.000 VND/bản	88.000 VND/bản	88.000 VND/bản	

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
10.	Phí tra soát khiếu nại (Áp dụng không thu phí bồi hoàn nếu kết quả tra soát cho thấy khách hàng yêu cầu bồi hoàn là đúng ngoại trừ các trường hợp giao dịch phát sinh do thẻ bị mất cắp, thất lạc)	88.000 VND/giao dịch	88.000 VND/giao dịch	88.000 VND/giao dịch	88.000 VND/giao dịch	88.000 VND/giao dịch	TT VH Thẻ thu phí, trên TK TGTT của KH
11.	Phí cung cấp lại bản sao kê tài khoản thẻ	Thu theo biểu phí dịch vụ tài khoản của SHB	Thu theo biểu phí dịch vụ tài khoản của SHB	Thu theo biểu phí dịch vụ tài khoản của SHB	Thu theo biểu phí dịch vụ tài khoản của SHB	Thu theo biểu phí dịch vụ tài khoản của SHB	Thu tại quầy
12.	Phí giao dịch thẻ						Thu tự động
12.1	Phí rút tiền trên ATM						
	- Trong hệ thống SHB	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	
	- Ngoài hệ thống SHB						

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
	Trong Việt Nam	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	
	Ngoài Việt Nam	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	
12.2	Phí ứng tiền mặt trên POS						
	- Trong hệ thống SHB	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	
	- Ngoài hệ thống SHB	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND	
12.3	Phí chuyển khoản nội mạng trên ATM của SHB	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
12.4	Phí sao kê giao dịch (Mini-statement trên ATM của SHB)	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	
12.5	Phí vấn tin số dư (Balance Inquiry) trên ATM, POS						
	- Trong hệ thống SHB	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	
	- Ngoài hệ thống SHB	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	5.500 VND/giao dịch	
12.6	Phí quản lý giao dịch bằng ngoại tệ	2,5% số tiền giao dịch đã quy đổi	2,5% số tiền giao dịch đã quy đổi	2,5% số tiền giao dịch đã quy đổi	2,5% số tiền giao dịch đã quy đổi	2,5% số tiền giao dịch đã quy đổi	Thu tự động
12.7	Phí quản lý giao dịch đồng Việt Nam ở nước ngoài	1% số tiền giao dịch, tối thiểu 5.500 VND	1% số tiền giao dịch; tối thiểu 5.500 VND	1% số tiền giao dịch, tối thiểu 5.500 VND	1% số tiền giao dịch, tối thiểu 5.500 VND	1% số tiền giao dịch, tối thiểu 5.500 VND	Thu tự động

STT	Hạng mục phí	Thẻ ghi nợ SHB Mastercard		Thẻ ghi nợ SHB Visa			Ghi chú
		Mastercard Debit	FCB debit	Visa Debit		Mancity debit	
				Visa Debit	Visa Classic/ Visa Gold/ Visa In ảnh		
13.	Phí dịch vụ khác (trả thẻ bị thu hồi do lỗi của chủ thẻ, thay đổi tài khoản kết nối đến thẻ, thay đổi hạn mức giao dịch)	33.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	Thu tại quầy
14.	Phí tắt toán thẻ sử dụng dưới 01 năm	55.000 VND	55.000 VND	55.000 VND	55.000 VND	55.000 VND	-Thu trong trường hợp chủ thẻ tắt toán thẻ trong vòng 01 năm kể từ ngày phát hành. Phí thu theo tài khoản thẻ - Thu tại quầy

III. THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
A. Phí dịch vụ thẻ										
1.	Phí phát hành thẻ	Miễn phí	Miễn phí	Dùng phát hành	Miễn phí	Dùng phát hành	Dùng phát hành	Dùng phát hành	Miễn phí	
2.	Phí phát hành thẻ nhanh	200.000 VND	150.000 VND	Dùng phát hành	150.000 VND	Dùng phát hành	Dùng phát hành	Dùng phát hành	200.000 VND	Thu tự động Dịch vụ này chỉ áp dụng tại các ĐVKD thuộc địa bàn Thành phố, Thị xã

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
3.	Phí thay thế thẻ	150.000 VND	100.000 VND	Dừng phát hành	100.000 VND	Dừng phát hành	Dừng phát hành	Dừng phát hành	100.000 VND	Thu tự động
4.	Phí gia hạn thẻ	Miễn phí	Miễn phí	Dừng phát hành	Miễn phí	Dừng phát hành	Dừng phát hành	Dừng phát hành	Miễn phí	
5.	Phí cấp lại PIN giấy	Miễn phí	Miễn phí	50.000 VND	Miễn phí	50.000 VND	50.000 VND	50.000 VND	Miễn phí	Thu tự động
6.	Phí thường niên									Thu tự động
	- Thẻ chính	- KH thông thường: 1.499.000 VND (Miễn phí thường niên năm đầu cho thẻ chính. Hoàn phí	799.000 VND (Miễn phí thường niên năm đầu cho thẻ chính. Hoàn phí	499.000 VND	Miễn phí thường niên trọn đời	Miễn phí thường niên trọn đời	250.000 VND	350.000 VND	999.000 VND (Miễn phí thường niên năm đầu cho 01 thẻ chính.	

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
		chính. Hoàn phí thường niên năm tiếp theo cho thẻ chính nếu tổng doanh số chi tiêu thẻ đạt từ 250 triệu đồng trong năm hiện tại) - KH định danh: Áp dụng theo chính sách	thường niên năm tiếp theo cho thẻ chính nếu tổng doanh số chi tiêu thẻ đạt từ 150 triệu đồng trong năm hiện tại)						Hoàn phí thường niên năm tiếp theo cho thẻ chính và các thẻ phụ (nếu có) nếu chi tiêu năm liền trước đạt 200 triệu đồng trong năm hiện tại)	

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
		<i>ưu đãi phí thường niên đối với từng nhóm KH định danh theo QĐ SHB trong từng thời kỳ.</i>								
	- Thẻ phụ	Miễn phí thường niên trọn đời.	299.000 VND (Miễn phí thường niên năm đầu với tất cả thẻ phụ)	250.000 VND	199.000 VND	Miễn phí thường niên trọn đời.	200.000 VND	250.000 VND	299.000 VND (Miễn phí thường niên năm đầu với tất cả thẻ phụ)	

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
7.	Phí chậm thanh toán	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	5% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 200.000 VND	Thu tự động
8.	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch trên POS									Thu tại quầy
	- Trong hệ thống SHB	50.000 VND/bản	50.000 VND/bản	50.000 VND/ bản	50.000 VND/bản	50.000 VND/bản	50.000 VND/bản	50.000 VND/bản	20.000 VND/bản	
	- Ngoài hệ thống	80.000 VND/bản	80.000 VND/bản	80.000 VND/ bản	80.000 VND/bản	80.000 VND/bản	80.000 VND/bản	80.000 VND/bản	80.000 VND/bản	

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/ Platinum Star	
	<i>SHB (nếu được)</i>									
9.	Phí tra soát khiếu nại (Áp dụng không thu phí đòi bồi hoàn nếu kết quả tra soát cho thấy)	150.000 VND/lần	150.000 VND/ giao dịch	150.000 VND/ giao dịch	150.000 VND/ giao dịch	150.000 VND/ giao dịch	150.000 VND/ giao dịch	150.000 / giao dịch	150.000 VND/ giao dịch	Thu phí lên sao kê KH

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
	khách hàng yêu cầu bồi hoàn là đúng ngoại trừ các trường hợp giao dịch phát sinh do thẻ bị mất									

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
	cấp, thất lạc									
10.	Phí vượt hạn mức/thay đổi hạn mức tín dụng	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	
11.	Phí xác nhận hạn mức tín dụng theo	100.000 VND/lần	50.000 VND/lần	50.000 VND/ lần	100.000 VND/ lần	Miễn phí	50.000 VND/lần	50.000 VND/lần	50.000 VND/lần	Thu tại quầy

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
	yêu cầu của khách hàng									
12	Phí thay đổi tài sản đảm bảo	Miễn phí	100.000 VND/lần	100.000 VND/ lần	100.000 VND/ lần	100.000 VND/lần	100.000 VND/lần	100.000 VND/lần	100.000 VND/lần	Thu tại quầy
13.	Phí cung cấp lại bản sao kê	100.000 VND/ bản	20.000 VND/bản	20.000 VND/ bản	100.000 VND/ bản	Miễn phí	20.000 VND/bản	20.000 VND/bản	50.000 VND/bản	Thu tại quầy
			Có xác nhận của NH: 50.000 VND/ bản	Có xác nhận của NH: 50.000 VND/ bản		Miễn phí	Có xác nhận của NH: 50.000 VND/bản	Có xác nhận của NH: 50.000 VND/bản		Thu tại quầy

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
14.	Phí dịch vụ SMS thẻ tín dụng	Miễn phí	9.900 VND /số điện thoại/tháng	9.900 VND /số điện thoại/tháng	9.900 VND /số điện thoại/tháng	9.900 VND /số điện thoại/tháng	9.900 VND /số điện thoại/tháng	9.900 VND /số điện thoại/tháng	Miễn phí	Mặc định đăng ký tự động khi mở thẻ. KH không có nhu cầu sử dụng cần yêu cầu đóng dịch vụ.
15.	Phí giao dịch thẻ									Thu tự động
15.1	Phí ứng tiền mặt (trên	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	4% số tiền giao dịch, tối thiểu	

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
	ATM, POS)	100.000 VND	100.000 VND	100.000 VND	100.000 VND	100.000 VND	100.000 VND	100.000 VND	100.000 VND	
15.2	Phí tra cứu giao dịch (mini statement trên ATM của SHB)	Miễn phí	Miễn phí	2.200 VND	Miễn phí	2.200 VND	2.200 VND	2.200 VND	Miễn phí	
16.	Phí quản lý giao dịch	1,59% số tiền quy đổi	3% số tiền quy đổi	3% số tiền quy đổi	3,5% số tiền quy đổi	3% số tiền quy đổi	3% số tiền quy đổi	3% số tiền quy đổi	3,5% số tiền quy đổi	Thu tự động

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
	bảng ngoại tệ									
17.	Phí quản lý giao dịch VND tại nước ngoài	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	1% số tiền giao dịch đã quy đổi, tối thiểu 5.500 VNĐ	Thu tự động
18.	Phí thông báo thẻ mất cấp, thất lạc	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	150.000 VNĐ	TT VH Thẻ thu phí, lên sao kê KH Khách hàng sẽ được hoàn

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
										<i>lại phí trong trường hợp phát hành lại thẻ thay thế trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo</i>
19	Phí đóng thẻ trước 01 năm	<i>Trường hợp KH đóng thẻ chính và phụ thì chỉ thu phí đóng thẻ với thẻ chính, không thu phí thẻ phụ.</i>								

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
19.1	Thẻ chính sử dụng dưới 01 năm	500.000 VND	300.000 VND	300.000 VND	100.000 VND	300.000 VND	300.000 VND	300.0 VND	500.000 VND	
19.2	Thẻ phụ đóng (thẻ chính không đóng) thu phí theo thẻ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	110.000 VNĐ	
B. Lãi suất thẻ										

STT	Hạng mục phí	Thẻ tín dụng SHB Mastercard							Thẻ tín dụng SHB Visa	Ghi chú
		Mastercard World	Mastercard Cashback	FCB	Truly Free	Vinaphone	-Mastercard Classic -Auto Card	-Mastercard Gold -Home Card	Platinum/Platinum Star	
	Lãi suất	25,9%/năm	33%/năm	29.9%/năm	35%/năm	27,9%/năm	27,9%/ năm	27,9%/ năm	29%/ năm	Thu tự động

IV. PHÍ DỊCH VỤ TRẢ GÓP THẺ TÍN DỤNG SHB

1. Trả góp lãi suất 0% tại Đơn vị không liên kết¹:

Stt	Khoản mục	Mức phí
1	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 03 Tháng	
1.1.	Thẻ tín dụng SHB Mastercard Truly Free	0% số tiền giao dịch
1.2.	Thẻ tín dụng khác	2,2%* số tiền giao dịch; tối thiểu 55.000 VND
2	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 06 Tháng	3,9% * số tiền giao dịch; tối thiểu 55.000 VND
3	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 09 Tháng	5,9%* số tiền giao dịch; tối thiểu 55.000 VND
4	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 12 Tháng	6,9% * số tiền giao dịch; tối thiểu 55.000 VND
5	Phí tắt toán trả góp	2% số tiền còn lại, tối thiểu 200.000 VND

2. Trả góp lãi suất 0% tại đối tác liên kết²:

a. Đối với chủ thẻ

- Phí chuyển đổi trả góp: Miễn phí
- Phí tắt toán trả góp: 2% số tiền còn lại, tối thiểu 200.000 VND.

b. Đối với đối tác liên kết trực tiếp

STT	Khoản mục	Mức phí
1	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 03 Tháng	Tối thiểu 1,5%* số tiền giao dịch
2	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 06 Tháng	Tối thiểu 2,5%* số tiền giao dịch
3	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 09 Tháng	Tối thiểu 3,3%* số tiền giao dịch
4	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 12 Tháng	Tối thiểu 4,3%* số tiền giao dịch
5	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 18 Tháng	Tối thiểu 6,3%* số tiền giao dịch
6	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 24 Tháng	Tối thiểu 8,3%* số tiền giao dịch

¹ Phí thu từ KH

² Phí thu từ Đối tác liên kết

c. Phí dịch vụ trả góp tại Đối tác trung gian

STT	Khoản mục	Mức phí
1	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 03 Tháng	Tối thiểu 1,2%* số tiền giao dịch
2	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 06 Tháng	Tối thiểu 1,5%* số tiền giao dịch
3	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 09 Tháng	Tối thiểu 2,7%* số tiền giao dịch
4	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 12 Tháng	Tối thiểu 3,5%* số tiền giao dịch
5	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 18 Tháng	Tối thiểu 5,9%* số tiền giao dịch
6	Phí chuyển đổi trả góp kỳ hạn 24 Tháng	Tối thiểu 7,9%* số tiền giao dịch

V. PHÍ DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THẺ

1. Phí chấp nhận thẻ trên hệ thống ATM SHB (áp dụng với thẻ do các tổ chức, Ngân hàng khác phát hành)

STT	Khoản mục	Mức phí
1	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ Visa được phát hành ngoài Việt Nam	55.000 VNĐ/giao dịch
2	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ Visa được phát hành tại Việt Nam	Miễn phí
3	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ MasterCard được phát hành ngoài Việt Nam	55.000 VNĐ/giao dịch
4	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ MasterCard được phát hành tại Việt Nam	Miễn phí
5	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ UPI được phát hành ngoài Việt Nam	55.000 VNĐ/giao dịch
6	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ UPI được phát hành tại Việt Nam	Miễn phí
7	Giao dịch rút tiền mặt từ thẻ nội địa	Miễn phí

2. Phí chấp nhận thẻ quốc tế trên hệ thống POS SHB (áp dụng với thẻ Quốc tế do các tổ chức, Ngân hàng khác phát hành)

Giao dịch ứng tiền mặt đối với chủ thẻ quốc tế do ngân hàng khác phát hành trên POS của SHB: Phí ứng tiền mặt 4% số tiền giao dịch, tối thiểu 55.000 VND/giao dịch.

3. Phí dịch vụ Đơn vị chấp nhận thẻ

a. Phí quản lý POS

- Mức phí: 110.000đ/POS/tháng (đã bao gồm VAT)
- Nguyên tắc thu phí: Từ tháng thứ 4 từ khi lắp đặt POS trở đi, SHB sẽ thu phí quản lý POS vào ngày 5 tháng sau nếu doanh số giao dịch của tháng trước không đạt 10 triệu đồng. Áp dụng với các ĐVCNT ký mới từ thời điểm biểu phí có hiệu lực.
- Ban Giám đốc ĐVKD (Ban Giám đốc chi nhánh/PGD) được phép điều chỉnh giảm tối đa 100%.

b. Phí chiết khấu

SHB sẽ tiến hành thu phí của ĐVCNT (phí chiết khấu) tính trên phần trăm trị giá giao dịch thẻ hợp lệ mà ĐVCNT thực hiện trên thiết bị thanh toán thẻ POS của SHB cung cấp, mức phí như sau:

Nhóm	Loại thẻ	Phí chiết khấu (đã bao gồm VAT)
1	Thẻ nội địa do SHB phát hành	Từ 0,55% trở lên
2	Thẻ ghi nợ nội địa do các ngân hàng là thành viên NAPAS phát hành	Từ 0,88% trở lên
3	Thẻ Quốc tế do SHB phát hành	Từ 1,1% trở lên
4	Thẻ Quốc tế do các Ngân hàng khác phát hành	
4.1	Xăng dầu, Gas, Nhà Thuốc, Trung tâm ngoại ngữ, Giáo dục văn hóa nghệ thuật, Trường Học, Bách hóa tổng hợp, Phòng khám Đa Khoa, Bệnh viện Mắt, Phòng khám Nha khoa, Café - trà (MCC: 5712, 4900, 5912, 8220, 8299, 8211, 5411, 8011, 8043, 8042, 8021, 5499)	Từ 1,54% trở lên
4.2	Các ngành nghề còn lại	Từ 1,98% trở lên

Mức phí chiết khấu ở mức tối thiểu, các ĐVKD đàm phán, áp dụng mức phí phù hợp với từng khách hàng và khu vực. Áp dụng với các ĐVCNT ký mới từ thời điểm biểu phí có hiệu lực.

VI. QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HOÀN PHÍ THƯỜNG NIÊN

- 1. Đối tượng áp dụng:** Chủ thẻ tín dụng quốc tế SHB Visa/Mastercard có chính sách hoàn phí thường niên các năm tiếp theo (chi tiết tại STT 6, Mục III nêu trên).
- 2. Nội dung ưu đãi:** Hoàn phí thường niên thẻ chính và các thẻ phụ (nếu có) trong năm kế tiếp cho các tài khoản thẻ đạt điều kiện về doanh số chi tiêu trong năm hiện tại (*trường hợp hoàn phí thường niên cho thẻ chính và các thẻ phụ sẽ tính theo doanh số chi tiêu hợp lệ của tài khoản thẻ trong 12 tháng kể từ thời điểm thu phí của thẻ chính*).
- 3. Cách thức thực hiện:**

TTVH Thẻ - Khối Vận hành SHB sẽ thực hiện hoàn/ghi có vào tài khoản thẻ số tiền phí thường niên của khách hàng trong vòng 01 tháng kể từ ngày thu phí thường niên.
- 4. Quy định về giao dịch chi tiêu hợp lệ**
 - a. Giao dịch chi tiêu hợp lệ là giao dịch tài chính thành công tại máy POS/giao dịch trực tuyến (mã giao dịch 774, 680, 736, 677, 781) được hạch toán vào tài khoản thẻ SHB Visa/Mastercard.
 - b. Các giao dịch loại trừ: Là các giao dịch rút tiền mặt, giao dịch phí phát hành/phí thường niên/các loại phí và lãi khác; các giao dịch phát sinh do sự cố hệ thống, giao dịch được hoàn trả, giao dịch hủy, giao dịch test, giao dịch nghi ngờ rủi ro, gian lận, lợi dụng chương trình, giao dịch tra soát với lý do chủ thẻ không thực hiện giao dịch; giao dịch trung gian, đại lý phí tiền điện, tiền nước, phí bảo hiểm hay các phí dịch vụ tương tự,...
 - c. Thời gian thực hiện giao dịch được ghi nhận theo ngày giao dịch được hạch toán trên hệ thống SVNG của SHB (time, date) được giới hạn từ 00h00'00'' đến 23h59'59''(GMT+7) trong thời gian gian chi tiêu quy định (12 tháng tính tới ngày thu phí thường niên).
 - d. Giá trị giao dịch được tính là giá trị giao dịch gốc, không bao gồm các khoản phí, lãi phát sinh kèm giao dịch (ví dụ phí chuyển đổi ngoại tệ,...).
 - e. Giao dịch hợp lệ của thẻ phụ được tính là giao dịch hợp lệ của chủ thẻ chính.
- 5. Quy định đối với thẻ**

Thẻ không bị khóa vĩnh viễn tại thời điểm xét hoàn phí thường niên hoặc vi phạm các điều kiện/điều khoản sử dụng thẻ tín dụng SHB.

VII. LƯU Ý

1. Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) (ngoại trừ phí chậm thanh toán của thẻ tín dụng).
2. Cấp độ các loại phí:
 - a. Phí cấp độ 1: Bao gồm tất cả các loại phí ngoài phí cấp độ 2 .
 - b. Phí cấp độ 2: Bao gồm phí thường niên thẻ tín dụng; phí tắt toán thẻ tín dụng trước 01 năm; phí phát hành nhanh/phát hành lại thẻ tín dụng; phí cấp lại bản sao kê tại quầy; phí phát hành/phát hành lại thẻ ghi nợ nội địa & quốc tế; phí thường niên thẻ ghi nợ; phí tắt toán thẻ trước 01 năm; phí rút tiền thẻ ghi nợ nội mạng ATM SHB/ngoại mạng ATM thuộc liên minh Napas; phí quản lý POS.
3. Phí được thu ngay một lần khi phát sinh nghiệp vụ. Các khoản phí đã thu không được hoàn lại trong trường hợp Khách hàng chủ động yêu cầu hủy bỏ giao dịch/dịch vụ sau khi SHB đã thực hiện dịch vụ hoặc đã phát sinh chi phí liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc SHB có chính sách khác trong từng thời kỳ. Đối với giao dịch không thực hiện thành công, việc hoàn phí được xem xét căn cứ vào nguyên nhân giao dịch, tính chất khoản phí và chi phí thực tế phát sinh.
4. Những chi phí phát sinh ngoài biểu phí như dịch vụ bưu phẩm, phát chuyển nhanh, fax, telex,... chi phí ngân hàng trung gian sẽ được thu thêm theo thực tế.
5. Những phí dịch vụ không được quy định tại biểu phí này chỉ được thu nếu được quy định tại văn bản khác của SHB đang có hiệu lực từng thời kỳ.
6. Thẻ phát hành theo Gói dịch vụ chi trả lương hoặc các chương trình ưu đãi khác thực hiện thu phí riêng theo quy định của SHB từng thời kỳ.
7. Biểu phí này có thể được thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của SHB theo từng thời kỳ.